

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ7 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122017200805 - C h c L t ấ ấ a ch t H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571011503	35CCĐ7	ấ Quang	An	26/06/1993							0.0	0.0	0	0.0		N HP
2	3571011673	35CCĐ7	Nguy n B o	An	01/02/1993							0.0	0.0	0	0.0		N HP
3	3571011641	35CCĐ7	ấ Th	Anh	16/12/1993							0.0	0.0	0	0.0		N HP
4	3571011507	35CCĐ7	Nguy n V ấ	B i n	15/09/1993				9.0	8.0	9.0	8.7	2.6	6.3	4.4	7.0	
5	3571011622	35CCĐ7	Nguy n M nh	C ồ ng	05/11/1993				7.0	7.0	8.0	7.3	2.2	6.0	4.2	6.4	
6	3571011651	35CCĐ7	Nguy n Th ồ nh	C ồ ng	20/07/1993				6.0	5.0	5.0	5.3	1.6	9.0	6.3	7.9	
7	3571011749	35CCĐ7	Ph m Th i	Ch ầ u	08/02/1993							0.0	0.0	0	0.0		N HP
8	3571011629	35CCĐ7	Nguy n Ng c	Duy	30/04/1993				5.0	5.0	6.0	5.3	1.6	9.5	6.7	8.3	
9	3571011555	35CCĐ7	Ph m Ninh	Đ ồ g	11/10/1993							0.0	0.0	0	0.0		N HP
10	3571011662	35CCĐ7	ấ ng T i n	ấ t	11/05/1993				7.0	7.0	6.0	6.7	2.0	5.5	3.9	5.9	N HP
11	3571011614	35CCĐ7	Lê Ph ấ c	ấ t	13/09/1993				7.0	8.0	6.0	7.0	2.1	8.3	5.8	7.9	
12	3571011561	35CCĐ7	Phan T n	ấ t	04/05/1993				8.0	7.0	9.0	8.0	2.4	5.3	3.7	6.1	
13	3571011711	35CCĐ7	D ồ ng H i	ấ ấ ng	07/10/1993				8.0	6.0	8.0	7.3	2.2	6.0	4.2	6.4	
14	3571011546	35CCĐ7	Nguy n Thanh	ấ m	01/04/1993				7.0	7.0	5.0	6.3	1.9	6.0	4.2	6.1	
15	3571011729	35CCĐ7	Phan T i n	ấ i p	07/04/1989							0.0	0.0	0	0.0		N HP
16	3571011680	35CCĐ7	V H ồ u	ấ c	22/10/1993							0.0	0.0	0	0.0		N HP
17	3571011468	35CCĐ7	Ph m V ấ	H ầ	20/12/1993				3.0	2.0	4.0	3.0	0.9	7.8	5.5	6.4	
18	3571011779	35CCĐ7	V H ồ Minh	H ầ	26/04/1993							0.0	0.0	0	0.0		N HP
19	3571011627	35CCĐ7	Tr ồ ng H ồ ng	H i	02/05/1993				9.0	8.0	9.0	8.7	2.6	8.5	6.0	8.6	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ7 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122017200805 - C h c L t ấ ấ a ch t H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V ấ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571011762	35CCĐ7	Hà Anh	Hoàng	01/01/1993				8.0	9.0	9.0	8.7	2.6	2.0	1.4	4.0	
21	3571011514	35CCĐ7	Nguy n ấ nh	Hòa	06/01/1993				6.0	7.0	5.0	6.0	1.8	5.8	4.1	5.9	
22	3571011516	35CCĐ7	Nguy n Xu ấ n	Huy	19/05/1993				6.0	8.0	5.0	6.3	1.9	6.8	4.8	6.7	
23	3571011642	35CCĐ7	Tr n Minh	Huy	16/06/1993				3.0	4.0	4.0	3.7	1.1	8.3	5.8	6.9	
24	3571011824	35CCĐ7	Tr n V ấ h	Huy	12/09/1993				7.0	5.0	9.0	7.0	2.1	7.3	5.1	7.2	
25	3571011512	35CCĐ7	Nguy n Thanh	Hùng	01/02/1993				5.0	6.0	6.0	5.7	1.7	8.0	5.6	7.3	
26	3571011681	35CCĐ7	ấ o ấ T n	H ng	24/06/1992				8.0	8.0	9.0	8.3	2.5	6.8	4.8	7.3	
27	3571011497	35CCĐ7	Nguy n V ấ h	Ngà	05/01/1993				4.0	5.0	4.0	4.3	1.3	7.5	5.3	6.6	
28	3571011560	35CCĐ7	ấ ng Trung	Ngân	10/01/1993				9.0	8.0	8.0	8.3	2.5	2.8	2.0	4.5	
29	3571011721	35CCĐ7	Nguy n	Ng c	20/05/1993				7.0	7.0	6.0	6.7	2.0	9.5	6.7	8.7	
30	3571011465	35CCĐ7	Nguy n H Anh	Ng c	10/06/1993				8.0	8.0	9.0	8.3	2.5	8.5	6.0	8.5	
31	3571011712	35CCĐ7	L 2 Ph c	Nhân	04/09/1993				9.0	8.0	9.0	8.7	2.6	6.5	4.6	7.2	
32	3571011522	35CCĐ7	Nguy n Hu nh	Nhân	17/05/1993				8.0	8.0	8.0	8.0	2.4	7.5	5.3	7.7	
33	3571011471	35CCĐ7	Tr n Quang	Nh t	04/07/1993				6.0	6.0	5.0	5.7	1.7	9.0	6.3	8.0	N HP
34	3571011677	35CCĐ7	Hu nh Ng c	Phát	02/09/1993				8.0	7.0	9.0	8.0	2.4	8.5	6.0	8.4	
35	3571011717	35CCĐ7	Nguy n H u	Ph ng	20/05/1993				7.0	6.0	7.0	6.7	2.0	8.5	6.0	8.0	
36	3571011541	35CCĐ7	Nguy n ấ i	Quân	05/01/1993							0.0	0.0	0	0.0		
37	3571011807	35CCĐ7	Nguy n Ng c	S n	25/03/1993				6.0	6.0	5.0	5.7	1.7	5.5	3.9	5.6	
38	3571011511	35CCĐ7	Tr nh Ho ấ	S n	30/10/1993				2.0	3.0	4.0	3.0	0.9	5.5	3.9	4.8	N HP

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CCĐ7 N h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122017200805 - C h c L t ã ã a c h t H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3571011499	35CCĐ7	Nguy n Anh Tài	26/02/1991				8.0	7.0	9.0	8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
40	3571011601	35CCĐ7	Nguy n ã c Tài	30/04/1992				9.0	8.0	9.0	8.7	2.6	7.5	5.3	7.9	
41	3571011491	35CCĐ7	Ph m Nh t Tân	20/04/1993				9.0	8.0	8.0	8.3	2.5	8.3	5.8	8.3	
42	3571011607	35CCĐ7	H L ² Minh Tín	24/07/1993				8.0	5.0	9.0	7.3	2.2	7.5	5.3	7.5	
43	3571011812	35CCĐ7	Nguy n Tr ng Tín	30/12/1993				7.0	7.0	8.0	7.3	2.2	8.5	6.0	8.2	
44	3571011529	35CCĐ7	VHPh m Tuân	02/01/1990				8.0	8.0	9.0	8.3	2.5	7.5	5.3	7.7	
45	3571011770	35CCĐ7	Phí Quang Tu n	21/02/1993				8.0	9.0	7.0	8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
46	3571011840	35CCĐ7	Nguy n Huu nh Tùng	14/02/1992							0.0	0.0	0	0.0		
47	3571011657	35CCĐ7	ñ @ Ng c Tú	16/06/1993				8.0	8.0	9.0	8.3	2.5	5.8	4.1	6.6	
48	3571011639	35CCĐ7	ñ ãnh V ã Thân	07/08/1992				7.0	7.0	8.0	7.3	2.2	8.5	6.0	8.2	
49	3571011650	35CCĐ7	B ãi Qu c Thi	16/08/1993				9.0	9.0	8.0	8.7	2.6	8.5	6.0	8.6	
50	3571011744	35CCĐ7	Lê Thanh Tri u	20/07/1993				8.0	9.0	6.0	7.7	2.3	7.5	5.3	7.6	
51	3571011638	35CCĐ7	ñ ng Th ãnh Trung	30/12/1993				7.0	7.0	8.0	7.3	2.2	6.8	4.8	7.0	
52	3571011686	35CCĐ7	Lý Quang Trung	15/06/1993				10.0	10.0	9.0	9.7	2.9	8.3	5.8	8.7	
53	3571011586	35CCĐ7	V ½ K Tr ng	15/09/1992							0.0	0.0	0	0.0		
54	3571011600	35CCĐ7	L i V ã Viên	10/02/1993				3.0	3.0	4.0	3.3	1.0	0	0.0		N HP
55	3571011616	35CCĐ7	ñ ãnh Qu c V ng	02/09/1992				8.0	8.0	9.0	8.3	2.5	9.0	6.3	8.8	
56	3571011758	35CCĐ7	L ² ã ãnh V ng	12/08/1993				4.0	5.0	4.0	4.3	1.3	9.0	6.3	7.6	N HP
57	3571011481	35CCĐ7	Ch ^a u Tri u V	21/03/1993				7.0	6.0	8.0	7.0	2.1	8.3	5.8	7.9	N HP

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh ấ h c : L p h c : 35CCĐ7 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122017200805 - C h c L t ấ ấ a ch t H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3571011825	35CCĐ7	Tr nh Ho ấ V	02/02/1992				5.0	6.0	6.0	5.7	1.7	6.0	4.2	5.9	N HP

T ng s : 58 h c sinh sinh vĩ n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa Gi ấ o Vĩ n B M ấ n Gi ấ o V Khoa